|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A**.**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA** | | | | | | | | | | | |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **ĐỀ Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản nghị luận | **3** | **0** | **3** | **1** | **0** | **1** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | . Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***15*** | ***25*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

1. **BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản nghị luận | **Nhận biết**:  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: nói quá, nói giảm nói tránh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản. | 3 TN | 3TN  1TL | 1TL |  |
|  |  | Tục ngữ | **Nhận biết**  - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài,… trong tính chỉnh thể của tác phẩm.  - Nhận biết chủ đề, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc.  - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ, vần.  - Nhận biết đặc điểm và chức năng của thành ngữ và tục ngữ; đặc điểm và tác dụng của các biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh.  **Thông hiểu**  - Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.  - Biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng ý kiến khác biệt.  - Biết trân trọng kho tàng tri thức của cha ông.  **Vận dụng**  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm văn bản.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả; nêu lí do. |  |  |  |  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử. | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề văn tự sự kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử  **Thông hiểu:** Viết đúng về kiểu bài, về nội dung, hình thức.  **Vận dụng:** Viết được bài văn tự sựBố cục rõ ràng, mạch lạc, ngôn ngữ trong sáng, biết bộc lộ cảm xúc.  **Vận dụng cao:** Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử . Bết đan xen với yếu tố miêu tả và biểu cảm. Có sự sáng tạo trong cách viết. Biết dùng những câu văn hay, câu văn bóng bẩy. | 1TL\* | 1TL\* | 1TL\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3TN** | **3TN**  **1TL** | **1 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20%*** | ***40%*** | ***30%*** | ***10%*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | **40%** | |

1. **NỘI DUNG ĐỀ KIỂM TRA**

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**THÓI QUEN**

*Trên đời có rất nhiều thói quen, tốt và không tốt, thậm chí là thói quen xấu.*

*Chăm chỉ, ngăn nắp, làm gì thì đến nơi đến chốn, đúng giờ, có tinh thần trách nhiệm, hay giúp đỡ người khác, có lòng khoan dung là thói quen luôn đáng khuyến khích.*

*Cẩu thả, tản mạn, luôn tiện tay vứt mọi thứ ra xung quanh hoặc ngoài đường, ghen ghét, lười biếng, buông trôi, ngồi gác chân lên ghế, đội mũ trong phòng họp, nói tục, văng bậy, tham lam ích kỷ... là thói quen xấu.*

*Có thói quen biết là xấu nhưng nhiều người thiếu nghị lực, khó sửa chữa như nghiện rượu, nói bậy, tắt mắt, không thứ tự, đánh bạc, chơi đề... mà có lẽ người có thói quen đấy tự buông trôi hoặc tự quá yêu mình, thiếu cố gắng nên cứ hứa sẽ sửa chữa nhưng bao năm vẫn y nguyên, nói vui là vẫn theo ông : “Nguyễn Y Vân”*

*Thói quen có thể có loại không hại đến ai như thói quen thức khuya, thói quen ngả lưng sau bữa ăn, thói quen đọc mấy tờ báo cho dễ ngủ... Nhưng có thói quen có thể làm hại chính mình hoặc gây phiền hà cho người khác như thói quen ngủ dậy muộn, đi làm không đúng giờ, thói rung đùi ngay cả nơi công cộng...*

*Ai cũng có nhiều thói quen trong đời và đôi khi nó thành thâm căn cố đế, khó sửa, khó đổi thay. Chỉ những ai tự biết mình, tự sáng suốt, có nghị lực...mới dễ thành công trong đời vì biết điều khiển thói quen của mình.*

*( Trích “Thói quen”- Băng Sơn)*

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính trong văn bản là:

1. Tự sự B. Nghị luận C. Miêu tả D. Thuyết minh

**Câu 2.** Tác dụng của dâu chấm lửng trong câu văn:

*“Cẩu thả, tản mạn, luôn tiện tay vứt mọi thứ ra xung quanh hoặc ngoài đường, ghen ghét, lười biếng, buông trôi, ngồi gác chân lên ghế, đội mũ trong phòng họp, nói tục, văng bậy, tham lam ích kỷ... là thói quen xấu”:*

A. Biểu đạt ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.

B. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng.

C. Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.

D. Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng

**Câu 3**. Đoạn trích bàn đến thói quen có thể làm hại chính mình hoặc gây phiền hà cho người khác là:

A. cẩu thả, tản mạn

B. lười biếng, buông trôi

C. ngồi gác chân lên ghế, đội mũ trong phòng họp.

D. thói quen ngủ dậy muộn, đi làm không đúng giờ, thói rung đùi ngay cả nơi công cộng...

**Câu 4.** Nội dung chính của đoạn trích là gì?

A. Bàn đến thói quen của con người và khuyên con người tự biết điều khiển thói quen của mình để thành công.

B. Bàn đến thói quen tốt.

C. Bàn đến thói quen có thể không hại và có hại.

D. Bàn đến thói quen xấu.

**Câu 5.** Tại sao thói quen ngủ dậy muộn, đi làm không đúng giờ lại có thể làm hại chính mình hoặc gây phiền hà cho người khác?

A. Xâm phạm đến thời gian của người khác, gây mất tập trung, ảnh hưởng tới hiệu suất công việc, làm chậm tiến độ.

B. Thiếu tính kỉ luật, không coi trọng thời gian của mình.

C. Thiếu tính kỉ luật, không coi trọng thời gian của mình, xâm phạm đến thời gian của người khác, gây mất tập trung, ảnh hưởng tới hiệu suất công việc, làm chậm tiến độ.

D. Thiếu tiết chế, bất lịch sự với người xung quanh

**Câu 6.** Tại sao có thói quen biết là xấu nhưng nhiều người lại không thể sửa chữa? A. Vì thiếu nghị lực, tự buông trôi hoặc tự quá yêu mình.

B. Vì thiếu nghị lực, tự buông trôi hoặc tự quá yêu mình, thiếu cố gắng nên cứ hứa sẽ sửa chữa nhưng bao năm vẫn y nguyên.

C. Vì thiếu nghị lực, tự buông trôi hoặc tự quá yêu mình, thiếu cố gắng.

D. Vì tự quá yêu mình, thiếu cố gắng nên cứ hứa sẽ sửa chữa nhưng bao năm vẫn y nguyên.

**Từ câu 7 đến câu 8, em hãy viết câu trả lời của mình vào bài làm.**

**Câu 7.** Theo em, làm thế nào để từ bỏ thói quen xấu?

**Câu 8:** Viết đoạn văn (khoảng 5 đến 7 câu) nêu suy nghĩ của em về ý nghĩa của việc rèn luyện thói quen tốt.

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Lịch sử dân tộc Việt Nam ta là lịch sử đấu tranh dựng và giữ nước. Trên hành trình gian lao ấy có bao tấm gương anh hùng đã để lại trong ta những yêu mến tự hào. Em hãy viết bài văn kể về sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử tiêu biểu cho những người anh hùng mà em yêu mến.

…………Hết………...

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần/câu** | | **Nội dung**  **(Cách cho điểm)** | **Điểm** |
| **I.** | | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | | |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **1B** | **2A** | **3D** | **4A** | **5C** | **6A** |   *Mỗi câu trả lời đúng cho: 0,5đ* | **3,0** |
| **7** | | Để từ bỏ thói quen xấu:  - Nhận thức được tác hại của thói quen xấu với chính mình và với mọi người xung quanh.  - Có bản lĩnh, có quyết tâm thay đổi bản thân và có ý thức rèn luyện hàng ngày.  *Lưu ý: : - Trả lời được đầy đủ như đáp án: mỗi ý cho 0,5 điểm*  *- Trả lời sơ sài hoặc chưa rõ ràng: mỗi ý cho 0,25 điểm* | 1,0 |
| **8** | | Viết một đoạn văn ngắn từ 4 đến 6 câu nêu suy nghĩ của em về ý nghĩa của việc rèn luyện thói quen tốt..  \* Hình thức: đoạn văn  \* Nội dung:  - Nêu vấn đề nghị luận: ý nghĩa của việc rèn luyện thói quen tốt..- Giải thích: Thói quen tốt là gì?  - Bàn luận: Nêu ý nghĩa của việc rèn luyện thói quen tốt..  - Phê phán biểu hiện trái.  - Bài học, lời khuyên.  *Lưu ý:Học sinh có cách viết sáng tạo đúng ý vẫn cho điểm tối đa.* | 2,0  0,25  0,25  0,25  0,25  0,5  0,25  0,25 |
| **II** | | **LÀM VĂN** | **4,0** |
|  | | **Lịch sử dân tộc Việt Nam ta là lịch sử đấu tranh dựng và giữ nước. Trên hành trình gian lao ấy có bao tấm gương anh hùng đã để lại trong ta những yêu mến tự hào. Em hãy viết bài văn kể về sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử tiêu biểu cho những người anh hùng mà em yêu mến.** | |  |
| *a.  Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự.gồm 3 phần MĐ, TĐ KĐ.* | | 0,25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Kể lại một sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử* | | 0,25 |
| *c. Kể lại một sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử*  HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | |  |
| **\* Mở bài:**  - Giới thiệu sự việc có liên quan đến một nhân vật lịch sử tiêu biểu cho những người anh hùng mà em yêu mến.  - Ấn tượng của em. | | 0,5 |
| **\* Thân bài:**  - Kể diễn biến của sự việc (có sử dụng yếu tố miêu tả). Các sự kiện chính: bắt đầu – diễn biến – kết thúc.  - Nêu ý nghĩa của sự việc. | | 1,0  1,0 |
| **Kết đoạn:** - - Nêu suy nghĩ, ấn tượng của em về sự việc  - Liên hệ, lời khuyên. | | 0,5 |
| **d. Chính tả, ngữ pháp:**  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. Bố cục mạch lạc. | | 0,25 |
| **e. Sáng tạo:**Thể hiện sâu sắc được cảm xúc của cá nhân, có cách diễn đạt mới mẻ, lí lẽ thuyết phục, dẫn chứng xác thực, có sự sáng tạo. | | 0,25 |
| **Tổng điểm** | | | | **10,0** |

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com